

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XM
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2021/HS-ST

Ngày: 11/10/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XM, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thảo.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Khanh.

Ông Văn Phú Hiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Trí Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 68/2021/HSST ngày 30 tháng 7 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2021/QĐXXST - HS ngày 24 tháng 8 năm 2021; thông báo về việc dời phiên tòa số 10/2021/TB – TA ngày 01 tháng 9 năm 2021; thông báo về việc dời phiên tòa xét xử vụ án hình sự số 15/2021/TB - TA ngày 14/9/2021; thông báo về việc dời phiên tòa xét xử vụ án hình sự số 20/2021/TB – TA ngày 28/9/2021, đối với bị cáo:

Phạm Thị L, sinh năm: 1973 tại QB;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 7, thôn TP, xã PT, huyện LT, tỉnh QB; nơi cư trú: Khu phố HH, thị trấn LH, huyện LĐ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 00/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Hữu H (đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1946 (đã chết); có chồng: Không và con: Không;

Tiền án: Ngày 06/11/2020 bị Tòa án nhân dân huyện XM xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 88/2020/HS-ST ngày 06/11/2020, chấp hành xong án phạt tù ngày 06/02/2021 và đã đóng án phí theo quy định.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

Ngày 16/9/1988, bị Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Bình Trị Thiên xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” (Bản án số 73/HSST).

Ngày 07/01/1989, bị Công an tỉnh Bến Tre bắt về tội “Chế tạo, tàng trữ, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật

quân sự”. Cơ quan CSĐT Công an huyện XM ra quyết định ủy thác điều tra cho phòng An ninh điều tra (PA09) Công an tỉnh Bến Tre để làm rõ nội dung trên. Kết quả Ủy thác của phòng An ninh điều tra Công an tỉnh Bến Tre cho biết. Ngày 07/01/1989, Lý bị Công an huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tạm giữ về hành vi “Không giấy tờ tùy thân”. Sau đó vụ việc được chuyển đến Phòng PC 14 Công an tỉnh Bến Tre thụ lý. Đến ngày 15/3/1989, Phòng PC14 có quyết định trả tự do cho Lý.

Ngày 24/5/1993, bị Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, cưỡng bức lao động 02 năm về hành vi “Gái mại dâm” theo quyết định số 530/QĐ.

Bị bắt ngày 30/4/2021.

“Bị cáo có mặt”.

Bị hại:

Chị Thị Đ, sinh năm: 1991; nơi cư trú: Ấp TS, xã XT, huyện XL, tỉnh Đồng Nai “vắng mặt”.

Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thu H, sinh năm: 1984; nơi cư trú: Ấp HT, xã PT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu “vắng mặt”.

- Ông Lê Thanh M, sinh năm: 1977; nơi cư trú: Ấp HT, xã PT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 30/4/2021, Phạm Thị L, sinh năm 1973, HKTT: Thôn Thượng Phong, xã PT, huyện LT, tỉnh QB, đón xe ôm từ khu phố HH, thị trấn LH, huyện LD, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đến biển HT, thuộc ấp HT, xã PT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để móc túi chiếm đoạt tài sản của du khách. Khoảng 10 giờ 20 phút cùng ngày, tại khu vực chợ cá, Lý phát hiện túi áo khoác phía trước, bên trái của chị Thị Đ, sinh năm 1991, ngụ tại ấp TS, xã XT, huyện XL, tỉnh Đồng Nai không kéo khóa bên trong có 01 điện thoại di động hiệu OPPO A53. Để thực hiện hành vi trộm cắp, Lý đi sát bên trái, đối diện với chị Đài, rồi nhanh chóng dùng tay phải móc điện thoại di động trong túi áo của chị Đài, bỏ vào túi áo khoác của mình, thì bị chị Nguyễn Thu H, sinh năm 1984, ngụ tại ấp HT, xã PT, huyện XM phát hiện truy hô, biết hành vi trộm cắp của mình đã bị phát hiện, nên Lý vứt điện thoại di động xuống rồi bỏ chạy nhưng bị người dân và du khách bắt giữ giao cho Cơ quan Công an xử lý. Tại Cơ quan Điều tra bị can đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp của mình.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 30/KL - HĐĐG ngày 04/5/2021 của Hội đồng Định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự huyện XM thì tại thời điểm xảy ra vụ án Điện thoại di động hiệu Oppo A53 có giá trị là 3.705.000đ (Ba triệu bảy trăm lẻ năm nghìn đồng); kèm theo ốp lưng Oppo A53 có giá trị thiệt hại: 12.000đ (Mười hai nghìn đồng); sim điện thoại mạng Viettel có giá trị thiệt hại 25.000đ (Hai mươi lăm nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 3.742.000đ (Ba triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

Vật chứng trong vụ án và trách nhiệm dân sự: Sau khi tạm giữ điện thoại kèm theo ốp lưng và sim, Cơ quan Điều tra đã trả lại cho chị Đài. Sau khi nhận đủ tài sản, chị Đài không yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng truy tố.

Tại cơ quan điều tra bị hại là chị Thị Đ đã nhận lại tài sản là mà bị cáo đã chiếm đoạt là và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Bản cáo trạng số 73/CT - VKS ngày 29 tháng 7 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện XM truy tố bị cáo Phạm Thị L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm h khoản 1 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo từ 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị mất cắp và không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Về hình phạt bổ sung là hình phạt tiền: Do bị cáo không có nghề nghiệp thu nhập ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: Đã xử lý xong.

Bị cáo Phạm Thị L nói lời sau cùng: Bản thân bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định truy tố: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện XM, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện XM, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa đối chiếu với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và những người tham gia tố tụng khác cũng như những tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ là phù hợp. Theo đó xác định được rằng:

Khoảng 10 giờ 20 phút, ngày 30/4/2021, tại khu vực chợ cá biển HT, thuộc ấp HT, xã PT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, bị cáo đã có hành vi lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Oppo A 53 màu xanh của chị Thị Đ.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 30/KL - HĐĐG ngày 04/5/2021 của Hội đồng Định giá tài sản trong Tố tụng Hình sự huyện XM thì tại thời điểm xảy

ra vụ án điện thoại di động hiệu Oppo A53 có giá trị là 3.705.000đ (ba triệu bảy trăm lẻ năm nghìn đồng); kèm theo ốp lưng Oppo A53 có giá trị thiệt hại: 12.000đ (mười hai nghìn đồng); sim điện thoại mạng Viettel có giá trị thiệt hại 25.000đ (hai mươi lăm nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 3.742.000đ (Ba triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

Như vậy, hành vi của bị cáo nêu trên có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Từ đó cho thấy bản cáo trạng số 73/CT – VKS ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện XM truy tố bị cáo Phạm Thị L về tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng đối với hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân. Bị cáo muốn có tiền tiêu xài nhanh chóng mà không phải lao động, bị cáo đã lén lút lợi dụng sơ hở của người khác tại nơi đông người để chiếm đoạt tài sản nhằm thu lợi bất chính, phục vụ nhu cầu của bản thân, cho thấy sự liều lĩnh của bị cáo. Xét về nhân thân bị cáo có nhân thân xấu từng bị xử phạt về tội “trộm cắp tài sản của công dân”, từng bị tạm giữ về hành vi “không giấy tờ tùy thân”, từng bị cưỡng bức lao động về hành vi “gái mại dâm” và bị cáo còn có một tiền án về tội “trộm cắp tài sản” nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học sửa đổi bản thân lại tiếp tục phạm tội, cho thấy bị cáo có ý thức xem thường pháp luật. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội nhưng không gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn nên áp dụng điểm h điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để cân nhắc giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo nhằm thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại chị Thị Đ đã nhận lại tài sản bị mất và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Sau khi tạm giữ điện thoại kèm theo ốp lưng và sim, Cơ quan Điều tra đã trả lại cho chị Đài là đúng quy định của pháp luật.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm h điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo: Phạm Thị L 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 30/4/2021.

2. Về án phí:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 buộc bị cáo Phạm Thị L phải nộp số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu;
- Sở tư pháp tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu;
- + Phòng PC10.
- + Phòng PV06.
- VKSND huyện XM;
- Công an huyện XM;
- Chi cục THADS huyện XM;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thảo